

HỢP ĐỒNG CHO VAY XÁC LẬP BẰNG PHƯƠNG TIỆN ĐIỆN TỬ

(Áp dụng đối với khoản vay không có tài sản bảo đảm dành cho KHCN)

Số:

Chúng tôi gồm:

1. NGÂN HÀNG TMCP TIỀN PHONG (TPBANK)

Giấy phép hoạt động số: do cấp ngày / /

Địa chỉ Hội sở chính: Số 57 Lý Thường Kiệt, phường Cửa Nam, thành phố Hà Nội

Đại diện theo ủy quyền: NGÂN HÀNG TMCP TIỀN PHONG – CHI NHÁNH

Do Ông/ Bà: Chức vụ: làm đại diện theo số
..... ngày / / của

Điện thoại: Fax:

(Sau đây gọi tắt là “**TPBank**”)

2. KHÁCH HÀNG

Ông/Bà:

CCCD/CC/Số định danh do cấp ngày / /
 cá nhân:

Địa chỉ tại:

Điện thoại: Email:

(Sau đây gọi tắt là “**Khách Hàng**”)

(TPBank và Khách Hàng sau đây được gọi chung là “**các Bên**” và gọi riêng là “**Bên**”)

Sau khi xem xét nhu cầu và khả năng của các Bên, các Bên cùng thống nhất ký Hợp đồng cho vay này theo phương thức cho vay được quy định tại Khoản 2.3 Hợp đồng này (sau đây gọi chung là “Hợp Đồng Cấp Tín Dụng”) với các nội dung như sau:

ĐIỀU 1. ĐỊNH NGHĨA VÀ GIẢI THÍCH

1.1 Trong Hợp đồng này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1.1.1 “**Khoản Vay**” là các khoản TPBank cho Khách Hàng vay một khoản tiền để sử dụng vào mục đích được quy định tại Hợp Đồng Cấp Tín Dụng trong một khoảng thời gian nhất định với nguyên tắc có hoàn trả.

1.1.2 “**Dư Nợ**” là toàn bộ số tiền nợ (bao gồm dư nợ gốc, lãi, phí, phạt, bồi thường thiệt hại, các khoản chi phí khác phát sinh) theo các Hợp Đồng Cấp Tín Dụng mà Khách Hàng có nghĩa vụ thanh toán cho TPBank.

- 1.1.3 **“Hợp Đồng Cấp Tín Dụng”**: là các văn bản thỏa thuận cụ thể về Khoản Vay được ký kết giữa TPBank và Khách Hàng, bao gồm cả các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế và các văn bản kèm theo.
- 1.1.4 **“Ngày Làm Việc”** là ngày mà TPBank mở cửa và hoạt động bình thường, ngoại trừ các ngày nghỉ, ngày lễ, ngày nghỉ hoán đổi/ngỉ bù theo quy định của pháp luật hoặc ngày nghỉ bù.
- 1.1.5 **“Sự Kiện Vi Phạm”** là các sự kiện được quy định tại Điều 5 Hợp đồng này.
- 1.1.6 **“Dữ Liệu Cá Nhân”** là dữ liệu, thông tin được định nghĩa là dữ liệu cá nhân theo quy định của pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân từng thời kỳ.
- 1.1.7 **“Ký số”** là việc Bên vay và/hoặc TPBank sử dụng chữ ký số hợp lệ theo quy định pháp luật để ký kết, xác nhận Hợp đồng, khế ước nhận nợ, phụ lục và các tài liệu liên quan đến khoản vay thông qua phương tiện điện tử trên nền tảng/hệ thống kỹ thuật phục vụ ký số hồ sơ tín dụng do TPBank triển khai hoặc chấp thuận trong từng thời kỳ, có thể tích hợp với ứng dụng định danh và xác thực điện tử quốc gia (VNeID) và/hoặc các ứng dụng, hệ thống ký số điện tử hợp pháp khác.
- 1.2 Nguyên tắc giải thích Hợp đồng:**
- 1.2.1 Những định nghĩa và thuật ngữ không được quy định tại Hợp đồng này sẽ được áp dụng và giải thích theo đúng quy định của pháp luật.
- 1.2.2 Nếu có sự mâu thuẫn giữa nội dung của một điều khoản cụ thể và đề mục của điều khoản đó thì sẽ áp dụng nội dung của điều khoản để giải quyết các vấn đề được đặt ra trong phạm vi điều khoản đó.

ĐIỀU 2. NỘI DUNG CHO VAY

- 2.1 Số tiền vay/Hạn mức thấu chi tối đa (HMTTC): (Bằng chữ:).
- 2.2 Mục đích vay: Vay tiêu dùng
- 2.3 Phương thức cho vay:¹
- 2.4 Đồng tiền cho vay và trả nợ: Việt Nam đồng
- 2.5 Thời hạn cho vay/ Thời hạn HMTTC: tháng (Từ ngày .. / .. / đến ngày / /). Trường hợp ngày cuối cùng của thời hạn cho vay/ngày hết hạn hạn mức là ngày lễ hoặc ngày nghỉ hàng tuần, ngày nghỉ hoán đổi/ngỉ bù theo quy định của pháp luật thì chuyển sang Ngày Làm Việc tiếp theo. Trường hợp thời hạn của mỗi Khoản Vay không đủ 01 (một) ngày thì sẽ được tính tròn thành 01 (một) ngày.
- 2.6 Lãi suất cho vay (còn gọi là lãi suất cho vay trong hạn)²:
- a) Lãi suất cố định:%/ năm áp dụng cho hết thời hạn cho vay;
- b) Lãi suất linh hoạt như sau:
- Lãi suất áp dụng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân cho đến ngày .. / .. / là:%/năm;
 - Lãi suất áp dụng cho thời gian tiếp theo: bằng Lãi suất của TPBank tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ%/ năm. Lãi suất của TPBank được điều chỉnh định kỳ tháng một lần.

¹ Điều phương thức vay vốn là (1) Vay từng lần hoặc (2) Cấp Hạn mức thấu chi trên tài khoản thanh toán của khách hàng số tại TPBank (“HMTTC”)

² Điều thông tin Lãi suất cho vay cố định hoặc linh hoạt theo Biểu lãi suất cho vay áp dụng đối với KHCN hoặc các chương trình ưu đãi lãi suất ban hành từng thời kỳ tương ứng với KUNN này.

- c) Lãi suất linh hoạt như sau: bằng Lãi suất của TPBank tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ%/ năm. Lãi suất của TPBank được điều chỉnh định kỳ tháng một lần.

2.7 Phí trả nợ trước hạn:

- a) Áp dụng theo Biểu phí TPBank quy định tại thời điểm trả nợ trước hạn (TNTH).
b) Áp dụng theo mức phí cụ thể như sau:

Phí trả nợ trước hạn được tính bằng tỷ lệ phần trăm (%) nhân với số tiền gốc trả nợ trước hạn, tương ứng với thời điểm Khách Hàng thực hiện trả nợ trước hạn, cụ thể:

- Trong thời gian:% số tiền gốc trả nợ trước hạn;
- Trong thời gian:% số tiền gốc trả nợ trước hạn;
- Trong thời gian:% số tiền gốc trả nợ trước hạn;
- Trong thời gian:% số tiền gốc trả nợ trước hạn.

Trường hợp phí TNTH được miễn hay không áp dụng, mức phí TNTH áp dụng là 0%.

2.8 Điều kiện giải ngân: Khách Hàng chỉ được sử dụng Khoản Vay quy định tại Hợp đồng này trên cơ sở Khách Hàng đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:

2.8.1 Khách Hàng đáp ứng đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật, quy định về cho vay và/hoặc nhận bảo đảm của TPBank trong từng thời kỳ phù hợp với quy định pháp luật.

2.8.2 Khách Hàng đồng ý thực hiện quy định về lãi suất cho vay và các nội dung khác liên quan đến Khoản Vay.

2.8.3 Các điều kiện và cam kết khác (nếu có):

2.8.4 Phương thức giải ngân:

- a) Tiền mặt: Tài khoản nhận tiền giải ngân số

- b) Chuyển khoản cho bên thụ hưởng theo chỉ định của Khách hàng, với thông tin như sau:

Tên bên thụ hưởng:		
Tên tài khoản:		
Số tài khoản:		Tại Ngân hàng:
Số tiền:	Bằng số:	Bằng chữ:
Nội dung:		

- c) Phương thức khác:

2.8.5 Phương thức trả nợ

- a) Gốc trả....., lãi vay trả hàng tháng theo dư nợ thực tế; hoặc
b) Tổng số tiền gốc và lãi vay trả đều hàng tháng theo phương thức niên kim cố định (EMI). Lãi vay theo dư nợ thực tế.

2.8.6 Hình thức trả nợ³:

³ HTTD điền thông tin số tài khoản thanh toán của Khách hàng, trường hợp chọn hình thức (a) “Nộp tiền mặt hoặc chuyển khoản” thì không điền.

Khách hàng trả nợ khoản vay theo một trong các hình thức sau đây:

- a) Nộp tiền mặt hoặc chuyển khoản;
- b) Tự động trích nợ tiền trên tài khoản thanh toán mở tại TPBank của Khách hàng số

ĐIỀU 3. BIỆN PHÁP BẢO ĐẢM

TPBank đồng ý cấp Khoản Vay cho Khách Hàng trên cơ sở không áp dụng biện pháp bảo đảm. Theo đó, Khách Hàng có nghĩa vụ:

- 3.1** Bổ sung các biện pháp bảo đảm hoặc bổ sung tài sản bảo đảm theo yêu cầu của TPBank nếu Khách Hàng không đáp ứng được các điều kiện cấp tín dụng không có bảo đảm hoặc vi phạm các nghĩa vụ theo quy định tại Hợp đồng này và/hoặc các văn bản nhận nợ.
- 3.2** Trả nợ trước hạn cho TPBank trong trường hợp không thực hiện được các biện pháp bảo đảm hoặc không bổ sung, thay thế tài sản bảo đảm theo yêu cầu của TPBank.

ĐIỀU 4. QUY ĐỊNH VỀ CẤP VÀ SỬ DỤNG KHOẢN VAY⁴

- 4.1** TPBank có quyền từ chối cấp tín dụng hoặc dừng việc sử dụng Khoản Vay đối với Khách Hàng và thu hồi nợ trước hạn đối với bất cứ Khoản Vay nếu (i) Khách Hàng không đáp ứng đầy đủ các nội dung, điều kiện cấp tín dụng quy định tại Hợp đồng này, hoặc (ii) phát sinh bất cứ Sự Kiện Vi Phạm nào quy định tại Hợp đồng này.
- 4.2** **Lãi suất cho vay, Lãi suất quá hạn, Lãi suất chậm trả, Phương thức và yếu tố tính lãi:**
 - a) Lãi suất cho vay (còn gọi là “lãi suất cho vay trong hạn”) được áp dụng và xác định theo Hợp đồng này và/hoặc văn bản nhận nợ của Khách Hàng và được điều chỉnh định kỳ theo thỏa thuận của hai Bên.
 - b) Lãi suất quá hạn: Bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn đang áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Lãi suất quá hạn được tính trên Dư Nợ gốc bị quá hạn tương ứng với thời gian chậm trả, áp dụng trong trường hợp khoản nợ vay của Khách Hàng bị chuyển nợ quá hạn.
 - c) Lãi suất chậm trả: Bằng 10%/năm tính trên số dư nợ lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, áp dụng khi Khách Hàng không trả đúng hạn tiền lãi vay theo quy định tại Hợp đồng này.
 - d) Phương thức tính lãi: Tiền lãi của Khoản Vay được tính hàng tháng, theo tỷ lệ %/năm, tính trên Dư Nợ vay thực tế và thời gian duy trì số Dư Nợ vay thực tế đó, trừ trường hợp các Bên có thỏa thuận khác.
 - e) Nguyên tắc và yếu tố xác định lãi suất: trong trường hợp TPBank và Khách Hàng thỏa thuận áp dụng lãi suất điều chỉnh/lãi suất linh hoạt, TPBank và Khách Hàng thống nhất rằng lãi suất điều chỉnh/lãi suất linh hoạt sẽ được xác định dựa trên các yếu tố là lãi suất cơ sở, lãi suất bán vốn, lãi suất tiền gửi tiết kiệm hoặc các yếu tố khác theo quy định cụ thể tại từng Hợp Đồng Cấp Tín Dụng và/hoặc văn bản nhận nợ của Khách Hàng đối với TPBank.

4.3 Đồng tiền nhận nợ và đồng tiền trả nợ:

Khách Hàng nhận nợ bằng đồng tiền nào thì trả nợ bằng đồng tiền đó. Trường hợp đồng tiền trả nợ khác loại với đồng tiền nhận nợ thì TPBank có quyền (nhưng không phải là nghĩa vụ) tự động chuyển đổi sang đồng tiền nhận nợ theo tỷ giá do TPBank công bố

⁴ Dẫn chiếu theo Điều Khoản Điều Khoản Chung Về Cho Vay được đăng tải, cập nhật trên trang thông tin điện tử chính thức của TPBank tại địa chỉ website: <https://tpb.vn>

tại ngày thu nợ. Thỏa thuận này thay cho hợp đồng mua bán ngoại tệ giữa Khách Hàng và TPBank.

4.4 Thanh toán hoàn trả Khoản Vay:

- a) Khách Hàng có nghĩa vụ hoàn trả, thanh toán cho TPBank Khoản Vay đầy đủ và đúng hạn theo thứ tự ưu tiên như sau: Chi phí, phí, bồi thường thiệt hại, phạt vi phạm, các khoản phải trả khác (nếu có), nợ lãi chậm trả, nợ lãi quá hạn, nợ gốc quá hạn, nợ lãi trong hạn, nợ gốc trong hạn. Trường hợp ngày trả nợ không phải là Ngày Làm Việc thì Khách Hàng có trách nhiệm trả nợ vào Ngày Làm Việc tiếp theo liền kề hoặc Ngày Làm Việc liền kề trước đó, theo quy định của TPBank. Theo đó, thứ tự thu nợ quy định tại Khoản này chỉ có thể được thay đổi khi Khách Hàng có đề nghị và được TPBank đồng ý bằng văn bản.
- b) Lưu ý bổ sung với trường hợp cấp HMTTC: Khách Hàng chấp thuận và xác nhận nợ đối với các khoản rút vốn vay theo các số liệu, thông tin ghi nhận bởi hệ thống của TPBank. Khách Hàng có thể trả nợ bằng tiền mặt, chuyển khoản, đồng ý cho TPBank tự động trích tiền từ Tài Khoản của Khách Hàng tại TPBank và/hoặc các hình thức khác phù hợp với quy định của pháp luật, theo đó:
 - Tiền lãi được thu vào ngày 25 hàng tháng do hệ thống của TPBank tự động tính và thu lãi trên Tài Khoản của Khách Hàng hoặc một ngày khác theo thông báo của TPBank gửi Khách Hàng trước 05 ngày kể từ ngày dự kiến thay đổi.
 - Vào ngày đến hạn của HMTTC được quy định tại Hợp đồng này, Khách Hàng có trách nhiệm hoàn trả lại cho TPBank toàn bộ Dư Nợ theo quy định tại Hợp đồng này.
- c) Trường hợp trả nợ vay trước hạn hoặc trả nợ quá hạn, các bên thực hiện theo quy định tương ứng tại khoản 4.5, khoản 4.6 Điều này.

4.5 Trả nợ vay trước hạn

4.5.1 Trả nợ tự nguyện:

- a) Khách Hàng gửi văn bản thông báo trước ít nhất 03 Ngày Làm Việc kể từ thời điểm dự kiến trả nợ trước hạn, bằng một trong các phương thức quy định tại Hợp đồng này, trong đó ghi rõ số tiền trả nợ trước hạn, ngày trả nợ, phương thức trả nợ; hoặc
- b) TPBank được quyền tự động thực hiện trích tài khoản của Khách Hàng tại TPBank để thu nợ trước hạn ngay khi nguồn tiền thanh toán được chuyển về tài khoản của Khách Hàng tại TPBank.

4.5.2 Thu hồi nợ trước hạn: Trường hợp Khách Hàng vi phạm quy định Hợp đồng này, TPBank được toàn quyền thu hồi nợ trước hạn. Khách Hàng phải trả cho TPBank phí trả nợ trước hạn theo quy định tại Hợp đồng này và/hoặc theo quy định của TPBank.

4.5.3 Thứ tự thu nợ: Theo quy định tại khoản 4.4 Điều này.

4.6 Chuyển nợ quá hạn, thu lãi quá hạn và lãi chậm trả

4.6.1 Các trường hợp chuyển nợ quá hạn:

- a) TPBank thực hiện chuyển các khoản nợ gốc sang nợ quá hạn khi Khách Hàng không thanh toán các khoản nợ đầy đủ, đúng hạn theo thỏa thuận tại Hợp đồng này hoặc trong thời hạn theo yêu cầu của TPBank trong trường hợp Khách Hàng phải trả nợ trước hạn.
- b) Khách Hàng đồng ý rằng tại thời điểm Khách Hàng không thanh toán đúng hạn bất kỳ khoản nợ gốc và/hoặc lãi nào cho TPBank thì TPBank có toàn quyền chủ động chuyển toàn bộ Dư Nợ của Khách Hàng tại TPBank sang nợ quá hạn; Khách Hàng có nghĩa vụ hoàn trả toàn bộ Dư Nợ quá hạn của Khách Hàng cho TPBank ngay tại

Thời điểm chuyển nợ quá hạn, đồng thời Khách Hàng phải trả lãi tiền vay cho TPBank theo quy định tại điểm c) khoản 4.6.4 này tính trên toàn bộ Dư Nợ gốc nêu trên.

- c) Trường hợp TPBank chấp thuận cơ cấu lại thời hạn trả nợ cho Khách Hàng hoặc TPBank thực hiện quyền chấm dứt cho vay, thu hồi nợ trước hạn khi phát hiện Khách Hàng cung cấp thông tin sai sự thật, vi phạm quy định trong Hợp đồng này, TPBank sẽ thông báo cho Khách Hàng về việc cơ cấu lại thời hạn trả nợ hoặc chấm dứt cho vay, thu hồi nợ trước hạn. Theo đó:
 - (i) Trường hợp được TPBank chấp thuận cơ cấu lại thời hạn trả nợ: Khách Hàng phải trả nợ gốc và lãi tiền vay cho TPBank theo nội dung cơ cấu lại thời hạn trả nợ được TPBank thông báo.
 - (ii) Trường hợp TPBank thực hiện quyền chấm dứt cho vay, thu hồi nợ trước hạn: Khách Hàng phải trả nợ gốc và lãi tiền vay cho TPBank tính trên số Dư Nợ bị quá hạn, thời điểm chuyển nợ quá hạn và lãi suất quá hạn, lãi suất chậm trả áp dụng đối với Dư Nợ bị quá hạn theo thông báo của TPBank.

4.6.2 Thời điểm chuyển nợ quá hạn là ngày liền sau ngày Khách Hàng phải thanh toán nợ cho TPBank (bao gồm cả trường hợp khi Khách Hàng phải thanh toán theo Hợp đồng này, văn bản nhận nợ với TPBank và/hoặc khi TPBank thu hồi nợ trước hạn).

4.6.3 Khi chuyển nợ quá hạn, TPBank sẽ thông báo cho Khách Hàng bằng một hoặc một số hình thức theo quy định tại Điều 11 Hợp đồng này về số dư nợ gốc bị quá hạn, thời điểm chuyển nợ quá hạn và lãi suất áp dụng đối với dư nợ gốc bị quá hạn.

4.6.4 Khi đến hạn thanh toán mà Khách Hàng không trả hoặc trả không đầy đủ nợ gốc và/hoặc lãi theo thỏa thuận, thì Khách Hàng phải trả lãi như sau:

- a) Lãi trên nợ gốc theo lãi suất cho vay trong hạn quy định tại điểm a) khoản 4.2 tương ứng với thời hạn cho vay mà đến hạn chưa trả;
- b) Trường hợp Khách Hàng không trả đúng hạn tiền lãi theo quy định tại điểm i) khoản này, thì phải trả lãi chậm trả theo mức lãi suất quy định tại điểm c) khoản 4.2 tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả;
- c) Trường hợp khoản nợ vay bị chuyển nợ quá hạn, thì Khách Hàng phải trả lãi trên Dư Nợ gốc bị quá hạn tương ứng với thời gian chậm trả, lãi suất áp dụng theo mức lãi suất quy định tại điểm b) khoản 4.2 tại thời điểm chuyển nợ quá hạn.

4.6.5 Thứ tự thu nợ : Đối với Khoản Vay bị quá hạn trả nợ hoặc có một/một số kỳ hạn trả nợ bị quá hạn, TPBank tiến hành thu nợ theo thứ tự phù hợp với quy định pháp luật.

4.7 Phục hồi nghĩa vụ trả nợ

Trường hợp khoản tiền mà Khách Hàng đã trả nợ cho TPBank bị khấu trừ, thu giữ, thu hồi một phần hoặc toàn bộ theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền thì TPBank được phục hồi lại số nợ tương ứng với số tiền bị khấu trừ, thu giữ, thu hồi. Khách Hàng có nghĩa vụ tiếp tục thanh toán cho TPBank toàn bộ gốc, lãi và các nghĩa vụ tài chính phát sinh đối với số tiền bị khấu trừ, thu giữ, thu hồi này theo đúng quy định tại Hợp Đồng Cấp Tín Dụng trong thời hạn theo thông báo của TPBank

4.8 Phí, phạt:

4.8.1 Phí: loại phí và mức phí Khách Hàng phải thanh toán cho TPBank được áp dụng theo Biểu phí do TPBank công bố tại thời điểm Khách Hàng phải thanh toán.

4.8.2 Chi phí: Khách Hàng đồng ý thanh toán, hoàn trả cho TPBank các khoản chi phí thực tế phát sinh phù hợp với quy định pháp luật để thực hiện việc ký kết, thực hiện, duy trì

Hợp đồng này trên cơ sở các chứng từ thanh toán cụ thể (chi phí công chứng, đăng ký giao dịch bảo đảm...).

- 4.8.3 Phạt vi phạm: Khách Hàng phải chịu phạt vi phạm đối với bất kỳ vi phạm nào của Khách Hàng được qui định tại Hợp đồng này bằng 08% giá trị hợp đồng bị vi phạm hoặc một mức khác theo thông báo của TPBank, trừ vi phạm do chậm trả lãi, chậm trả gốc. Khi phát sinh vi phạm, TPBank sẽ thông báo bằng văn bản về số tiền phạt và thời hạn thanh toán tiền phạt gửi đến Khách Hàng, văn bản thông báo có giá trị ràng buộc nghĩa vụ đối với Khách Hàng.
- 4.8.4 Khách Hàng có trách nhiệm bồi thường mọi thiệt hại cho TPBank nếu Khách Hàng vi phạm quy định tại Hợp đồng này và gây thiệt hại cho TPBank.

4.9 Cơ cấu lại thời hạn trả nợ

- 4.9.1 Khách Hàng có nhu cầu cơ cấu lại thời hạn trả nợ (điều chỉnh kỳ hạn trả nợ hoặc gia hạn nợ) phải gửi văn bản đề nghị cơ cấu lại thời hạn trả nợ cho TPBank trong thời hạn quy định tại Điều này, trong đó nêu rõ lý do cơ cấu, khả năng tài chính, thời hạn và nguồn trả nợ, phương án kinh doanh kèm theo các tài liệu chứng minh.
- 4.9.2 TPBank xem xét, quyết định việc cơ cấu lại thời hạn trả nợ trên cơ sở Khách Hàng đáp ứng quy định của TPBank từng thời kỳ phù hợp với quy định của pháp luật. Khách Hàng có nghĩa vụ thanh toán khoản phạt cơ cấu thời hạn trả nợ theo quy định của TPBank tại thời điểm cơ cấu nợ.
- 4.9.3 Việc cơ cấu lại thời hạn trả nợ theo quy định tại Điều này chỉ được thực hiện trước hoặc trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày đến kỳ hạn, thời hạn trả nợ đã thỏa thuận tại Hợp đồng này và/hoặc văn bản nhận nợ của Khách Hàng với TPBank. Trong thời gian TPBank xem xét cơ cấu lại thời hạn trả nợ cho Khách Hàng, Khách Hàng vẫn phải có nghĩa vụ thực hiện trả nợ theo đúng quy định tại Hợp đồng này và/hoặc văn bản nhận nợ của Khách Hàng với TPBank.

ĐIỀU 5. SỰ KIỆN VI PHẠM

5.1 Các trường hợp sau đây được coi là Sự Kiện Vi Phạm:

5.1.1 Khách Hàng xảy ra một trong các sự kiện sau:

- a) Không cung cấp hoặc cung cấp thông tin không đầy đủ, không kịp thời hoặc không chính xác, trung thực.
- b) Sử dụng Khoản Vay không đúng mục đích.
- c) Không hoàn trả đúng và đủ Dư Nợ.
- d) Một phần hoặc toàn bộ tài sản bảo đảm, nguồn trả nợ bị xử lý, kê biên, thu giữ, thu hồi, phong tỏa theo quy định của pháp luật; bị mất, hư hỏng hoặc giảm sút giá trị không đủ theo tỷ lệ để bảo đảm cho nghĩa vụ của Khách Hàng theo Hợp đồng này mà Khách Hàng không bổ sung, thay thế theo yêu cầu của TPBank.
- e) Không thực hiện hoặc thực hiện không đúng việc ghi có, chuyển/nộp tiền với Giá trị ghi có tối thiểu vào tài khoản của Khách Hàng tại TPBank theo yêu cầu của TPBank (nếu có).
- f) Không tiếp tục làm việc tại cơ quan/đơn vị được TPBank chấp nhận cấp tín dụng đối với cán bộ nhân viên, thay đổi tiền lương, thu nhập dưới mức được các bên thỏa thuận hoặc không còn thực hiện thanh toán lương qua tài khoản tại TPBank.
- g) Vi phạm nghĩa vụ trả nợ với bất kỳ chủ nợ nào khác hoặc bị bất kỳ chủ nợ nào yêu cầu trả nợ trước hạn.

- h) **Dư Nợ của Khách Hàng hoặc Dư Nợ của Khách Hàng và người liên quan của Khách Hàng** theo quy định của pháp luật vượt quá giới hạn, tỷ lệ cấp tín dụng theo quy định của pháp luật.
- i) **Vi phạm pháp luật, chính sách của Nhà nước, vướng vào các vụ kiện, tranh chấp ảnh hưởng đến Khách Hàng.**
- j) **Chết, mất tích, bị tuyên bố chết, hoặc bị tuyên bố mất tích; ly hôn hoặc chia tài sản chung vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân; bị mất, hạn chế năng lực hành vi dân sự, bị bắt, bị khởi tố bị can hoặc là bị đơn hoặc người có nghĩa vụ liên quan trong các vụ kiện.**
- k) **Khoản Vay của Khách Hàng có từ 02 (hai) kỳ trả nợ phát sinh nợ quá hạn từ 10 ngày trở lên với số tiền quá hạn tại mỗi kỳ lớn hơn 200.000 VND (Hai trăm nghìn đồng) trong thời gian vay vốn tại TPBank.**
- l) **Khoản Vay của Khách Hàng phát sinh nợ nhóm 2 (OD2) trở lên do kéo theo từ việc Khách Hàng phát sinh nợ quá hạn từ khoản vay của Khách hàng tại các TCTD khác trong thời gian vay vốn tại TPBank.**
- m) **Vi phạm các quy định khác tại Hợp đồng này và/hoặc vi phạm nghĩa vụ trong giao dịch khác với TPBank.**
- n) **Các trường hợp khác không trái qui định của pháp luật hoặc theo yêu cầu/quyết định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền hoặc theo quy định của pháp luật hoặc theo thỏa thuận bằng văn bản của các Bên.**

5.1.2 Bên bảo đảm cho Khách Hàng xảy ra một trong các sự kiện sau:

- a) **Bên Bảo Đảm là cá nhân chết, mất tích, bị tuyên bố chết, hoặc bị tuyên bố mất tích; ly hôn hoặc chia tài sản chung vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân; bị mất, hạn chế năng lực hành vi dân sự, bị bắt, bị khởi tố bị can hoặc là bị đơn hoặc người có nghĩa vụ liên quan trong các vụ kiện.**
- b) **Bên Bảo Đảm là tổ chức xảy ra một trong các sự kiện**
 - (i) **Bị yêu cầu/tự yêu cầu tuyên bố phá sản, phần lớn tài sản bị kê biên, phong tỏa, cầm giữ, ngừng, tạm ngừng hoạt động sản xuất kinh doanh hoặc không còn khả năng thanh toán nợ đến hạn.**
 - (ii) **Tổ chức lại doanh nghiệp (chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi doanh nghiệp) mà không thông báo và không được TPBank chấp thuận bằng văn bản hoặc bên kế thừa sau khi tổ chức lại không thực hiện đúng và đầy đủ nghĩa vụ với TPBank.**
 - (iii) **Liên quan đến các vụ kiện, vụ án ảnh hưởng đến khả năng tài chính hoặc vi phạm nghĩa vụ thanh toán cho bất kỳ bên thứ ba nào khác (bao gồm cả nghĩa vụ nộp thuế).**
 - (iv) **Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Tổng Giám đốc/Giám đốc, chủ doanh nghiệp, thành viên hợp danh, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Kế toán trưởng, Giám đốc tài chính, Phó Tổng giám đốc (Phó Giám đốc) bị bắt, bị khởi tố bị can, bỏ trốn, mất tích; vắng mặt tại nơi cư trú trong thời gian 03 tháng liên tục mà không thông báo cho TPBank.**
- c) **Vi phạm pháp luật, chính sách của Nhà nước, vướng vào các vụ kiện, tranh chấp ảnh hưởng đến Bên bảo đảm và/hoặc Tài sản bảo đảm**
- d) **Vi phạm bất cứ nghĩa vụ, quy định nào của Hợp đồng này, Hợp Đồng Bảo Đảm và/hoặc các văn bản, thỏa thuận kèm theo có liên quan.**

- e) Các trường hợp khác không trái qui định của pháp luật hoặc theo yêu cầu/quyết định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền hoặc theo quy định của pháp luật hoặc theo thỏa thuận bằng văn bản của các Bên.

5.1.3 Khi xảy ra các sự kiện khác mà theo đánh giá của TPBank:

- a) Có ảnh hưởng bất lợi đối với tài sản, tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Khách Hàng làm suy giảm khả năng trả nợ của Khách Hàng.
- b) Thay đổi trong các chính sách, quy định của Nhà nước, pháp luật ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động sản xuất kinh doanh và khả năng thanh toán của Khách Hàng.
- c) Thay đổi trong các chính sách, quy định của Nhà nước, của pháp luật dẫn đến làm thay đổi chính sách, quy định của TPBank khiến cho việc tiếp tục, duy trì Khoản Vay của Khách Hàng không còn phù hợp, không còn đáp ứng các chính sách, quy định của pháp luật hiện hành hoặc theo yêu cầu của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

5.2 Khi xảy ra Sự Kiện Vi Phạm, TPBank có quyền thực hiện một hoặc một số các biện pháp sau:

- a) Từ chối cấp hoặc dừng cấp Khoản Vay, chấm dứt/dừng giải ngân.
- b) Thu hồi nợ trước hạn.
- c) Xử lý bất cứ tài sản bảo đảm và tài sản khác của Khách Hàng để thu hồi nợ.
- d) Các biện pháp khác quy định tại Hợp Đồng Cấp Tín Dụng và Hợp Đồng Bảo Đảm

5.3 Xử lý trong trường hợp thu hồi nợ trước hạn

5.3.1 Khi xảy ra một hoặc một số Sự Kiện Vi Phạm trên đây, TPBank có quyền căn cứ tình hình thực tế, lựa chọn thời điểm thích hợp để quyết định thu hồi nợ trước hạn. Khi TPBank quyết định thu hồi nợ trước hạn, TPBank sẽ thông báo cho Khách Hàng bằng một hoặc một số hình thức theo quy định tại Điều 11 Hợp đồng này về thời điểm chấm dứt cho vay, thu hồi nợ trước hạn, số dư nợ gốc bị thu hồi trước hạn, thời hạn hoàn trả số dư nợ gốc bị thu hồi trước hạn, thời điểm chuyển nợ quá hạn và lãi suất quá hạn áp dụng đối với số dư nợ gốc bị thu hồi trước hạn. Khi đó:

- a) Tất cả các khoản nợ gốc, lãi, phí, chi phí phải trả theo Hợp đồng này (dù đã đến hạn hay chưa đến hạn) đều trở thành khoản nợ đến hạn. Khách Hàng có nghĩa vụ thanh toán tất cả các khoản nợ này theo thời hạn được nêu tại thông báo;
- b) TPBank có quyền thực hiện tất cả các biện pháp nghiệp vụ để thu hồi nợ. Các biện pháp này bao gồm: (i) Tự động trích/xử lý tài khoản thanh toán hoặc bất kỳ khoản tiền, tài sản nào khác của Khách Hàng tại TPBank để thu hồi nợ; (ii) Lập Ủy nhiệm thu để thu hồi nợ và thông báo cho Khách Hàng biết nếu Khách Hàng có tài khoản thanh toán hoặc bất kỳ khoản tiền nào tại tổ chức tín dụng khác; (iii) Xử lý tài sản bảo đảm (nếu có); (iv) Các biện pháp khác không trái pháp luật Việt Nam tại thời điểm áp dụng.

5.3.2 Nếu quá thời hạn nêu tại thông báo mà Khách Hàng không thanh toán đầy đủ các khoản nợ này thì TPBank có quyền chuyển toàn bộ nợ gốc chưa thanh toán sang nợ quá hạn và áp dụng lãi suất quá hạn đối với dư nợ gốc, lãi suất chậm trả đối với khoản tiền lãi không trả đúng hạn.

5.4 Xử lý trong trường hợp từ chối cấp, chấm dứt/dừng giải ngân: Khi xảy ra một hoặc một số Sự Kiện Vi Phạm trên đây, TPBank có quyền gửi thông báo từ chối cấp, chấm dứt/dừng giải ngân Khoản Vay tới Khách Hàng cho đến khi có thông báo khác từ

TPBank. Khách Hàng tiếp tục thực hiện nghĩa vụ đối với những Khoản Vay đã giải ngân theo Hợp đồng này.

ĐIỀU 6. CAM KẾT VÀ BẢO ĐẢM

Khách Hàng theo đây cam kết và bảo đảm rằng:

- 6.1** Tuân thủ các qui định, chính sách của pháp luật và của TPBank liên quan đến việc cấp tín dụng và trong trường hợp các quy định, chính sách này có thay đổi, Khách Hàng cam kết sẽ thực hiện theo đúng các quy định, chính sách đã được thay đổi đó.
- 6.2** Đã đọc, hiểu rõ và đồng ý và hoàn toàn tuân thủ Điều Khoản Chung Về Cho Vay có hiệu lực kể từ thời điểm ký Hợp đồng này và được đăng tải, cập nhật trên trang thông tin điện tử chính thức của TPBank tại địa chỉ website: <https://tpb.vn>, và là một phần không tách rời của Hợp đồng này, tạo thành một Hợp đồng thống nhất, trọn vẹn, thể hiện sự thỏa thuận của Khách hàng và TPBank về cho vay.
- 6.3** Cam kết trong mọi trường hợp sẽ chuyển các khoản doanh thu, thu nhập... của Khách Hàng về tài khoản của Khách Hàng mở tại TPBank và đồng ý để TPBank tự động trích tiền trên tài khoản của Khách Hàng để thu nợ gốc, lãi, phí và các chi phí khác theo Hợp đồng ngay khi trên tài khoản của Khách Hàng có tiền (có số dư) trong trường hợp TPBank thấy cần thiết, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác.
- 6.4** Ủy quyền cho TPBank được trích trừ tiền lương và các khoản thu nhập hàng tháng từ tài khoản thanh toán của Khách hàng tại TPBank hoặc trực tiếp liên hệ để nhận tiền từ Cơ quan/đơn vị Khách hàng làm việc để trả nợ cho khoản vay của Khách hàng tại TPBank. Khách hàng ủy quyền cho cơ quan/đơn vị Khách hàng đang làm việc trích trừ tiền lương, các khoản thu nhập hàng tháng và các khoản thu nhập khác (nếu có) để thanh toán cho TPBank theo yêu cầu/thông báo của TPBank. Việc ủy quyền này chỉ hết hiệu lực khi Khách hàng đã thanh toán tất cả các nghĩa vụ tín dụng với TPBank và được TPBank xác nhận.
- 6.5** Trong trường hợp không tiếp tục làm việc tại Đơn vị công tác nói trên, Khách hàng cam kết thông báo cho TPBank trước thời hạn chấm dứt hợp đồng lao động 07 ngày và cam kết cùng gia đình sử dụng mọi nguồn thu nhập, tài sản của Khách hàng và gia đình thanh toán mọi nghĩa vụ tín dụng cho TPBank.
- 6.6** Trong trường hợp khoản tiền Khách Hàng hoàn trả Khoản Vay cho TPBank bị khấu trừ, thu hồi một phần hoặc toàn bộ theo lệnh/quyết định của cơ quan có thẩm quyền, Khách Hàng có nghĩa vụ thanh toán số tiền bị thu hồi, khấu trừ đó cho TPBank trong vòng 15 ngày kể từ ngày TPBank thông báo về việc bị khấu trừ, thu hồi đó. Khách Hàng chấp nhận việc TPBank phục hồi lại số nợ tương ứng với số tiền bị khấu trừ, thu hồi (ghi nợ lại hoặc coi như Khách Hàng chưa thanh toán số nợ tương ứng số tiền bị khấu trừ, thu hồi).
- 6.7** Trong trường hợp TPBank phải thu hồi nợ, kể cả thu hồi nợ trước hạn, đồng ý rằng TPBank có quyền xử lý bất cứ tài sản nào thuộc quyền sở hữu, sử dụng hợp pháp của Khách Hàng để thu hồi nợ.
- 6.8** Bằng việc ký vào Hợp Đồng, Khách Hàng đồng ý và xác nhận rằng trước khi xác lập Hợp Đồng:
 - a) Khách Hàng đã được TPBank cung cấp đầy đủ các thông tin liên quan đến Khoản Vay, bao gồm không giới hạn các thông tin về lãi suất; nguyên tắc và các yếu tố xác định; thời điểm xác định lãi suất đối với trường hợp áp dụng lãi suất cho vay có điều chỉnh; lãi suất áp dụng đối với dư nợ gốc bị quá hạn; lãi suất áp dụng đối với lãi chậm trả; phương pháp tính lãi tiền vay; loại phí và mức phí áp dụng đối với khoản vay; các tiêu chí xác định khách hàng vay vốn theo lãi suất cho vay đối với một số nhu cầu vốn theo quy định của pháp luật;

- b) Khách Hàng đã biết và đã được TPBank cung cấp đầy đủ thông tin về hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung cho Khách Hàng;
 - c) Chấp nhận rằng các thông báo lãi suất, tính toán gốc, lãi, phí, phạt, chi phí.... đã được các bên thỏa thuận tại Hợp Đồng là có giá trị ràng buộc nghĩa vụ của Khách Hàng đối với TPBank, trừ trường hợp có sự sai sót rõ ràng trong tính toán số học hoặc không phù hợp với quy định pháp luật.
- 6.9** Đồng ý ủy quyền toàn bộ và không hủy ngang cho TPBank thực hiện các biện pháp sau để thu hồi các khoản nợ (gốc, lãi), phí, phạt, các khoản phải thanh toán, hoàn trả, bồi thường cho TPBank:
- a) Thu hồi mọi tài sản và nguồn thu của cá nhân tương ứng với phần Dư Nợ còn thiếu;
 - b) Yêu cầu bên nắm giữ tài sản của Khách Hàng, chuyển giao tài sản cho TPBank;
 - c) Tự động tạm khóa (tạm dừng giao dịch) tài khoản và toàn quyền chủ động trích tiền trên tài khoản (bao gồm nhưng không giới hạn tài khoản thanh toán, tài khoản tiết kiệm, tài khoản tiền gửi...), hợp đồng tiền gửi, bất kỳ tài sản gửi nào khác của Khách Hàng tại TPBank để thu hồi nợ;
 - d) Lập ủy nhiệm thu yêu cầu các tổ chức nơi Khách Hàng mở tài khoản, gửi tiền và/hoặc tài sản trích tiền và tài sản đó để chuyển cho TPBank mà không cần thông báo hay có sự chấp thuận trước của Khách Hàng.
- 6.10** Đồng ý rằng khi có Sự Kiện Vi Phạm, TPBank có quyền áp dụng một, một số hoặc đồng thời tất cả các biện pháp sau:
- a) Tạm dừng thực hiện và/hoặc tuyên bố hủy bỏ các văn bản, cam kết giải ngân theo Hợp đồng này; hoặc
 - b) Điều chỉnh lãi suất cho vay quy định tại Hợp đồng này và áp dụng cho toàn bộ Dư Nợ của Hợp đồng trong thời gian tiếp theo kể từ ngày điều chỉnh lãi suất phù hợp với quy định pháp luật. Mức lãi suất điều chỉnh sẽ theo thỏa thuận của TPBank và Khách Hàng. Trường hợp Khách hàng không chấp nhận điều chỉnh lãi suất cho vay thì TPBank sẽ áp dụng theo quy định tại điểm a Khoản 6.10 Điều này.
 - c) Trường hợp Khách Hàng thuộc Sự Kiện Vi Phạm quy định tại điểm k, l của Tiết 5.1.1 Khoản 5.1 Điều 5 Hợp đồng này thì TPBank được quyền tăng lãi suất cho vay như sau:
 - Lãi suất sau khi điều chỉnh = Lãi suất cho vay đang áp dụng tại thời điểm điều chỉnh lãi suất + tối đa 5%/năm
 - Mức lãi suất sau khi điều chỉnh cụ thể sẽ được TPBank thông báo cho Khách Hàng và áp dụng cho toàn bộ Dư nợ của Hợp Đồng trong thời gian tiếp theo kể từ ngày điều chỉnh lãi suất.
 - Việc điều chỉnh lãi suất có hiệu lực kể từ thời điểm TPBank gửi văn bản thông báo thay đổi lãi suất cho Khách Hàng.
 - Sau 3 kỳ trả nợ liên tiếp kể từ thời điểm điều chỉnh lãi suất, nếu Khách Hàng không phát sinh nợ quá hạn tại TPBank thì TPBank sẽ xem xét giảm lãi suất cho Khoản Vay nhưng phải đảm bảo mức lãi suất sau khi giảm không được thấp hơn mức lãi suất đang áp dụng đối với Khoản Vay tại thời điểm điều chỉnh.
- 6.11** Khách Hàng đồng ý và chấp thuận rằng TPBank được cung cấp thông tin liên quan đến Khách hàng, Khoản Vay cho bên thứ ba theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc theo quy định của pháp luật hoặc theo yêu cầu của cơ quan, tổ chức khác phù hợp với quy định của pháp luật (Cơ quan nhà nước có thẩm quyền, Trung tâm thông tin tín dụng (CIC), Tổ chức thông tin tín dụng, luật sư (trong trường hợp TPBank tham gia vụ kiện liên quan đến Khoản Vay của Khách Hàng), kiểm toán, tổ chức xếp hạng

tín dụng, bên mua nợ (trong quan hệ mua bán nợ với TPBank liên quan đến Khoản Vay của Khách Hàng)) hoặc bất kỳ bên thứ ba (tổ chức, cá nhân) nào khác trong quá trình TPBank xem xét cấp tín dụng, quản lý thu hồi nợ đối với Khách Hàng phù hợp với quy định pháp luật. Thỏa thuận này đồng thời là văn bản thông báo của TPBank cho Khách Hàng theo quy định của pháp luật.

ĐIỀU 7. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA TPBANK

- 7.1** Từ chối, tạm dừng giải ngân Khoản Vay nếu Khách Hàng không đáp ứng được các điều kiện theo quy định tại Hợp đồng này.
- 7.2** Kiểm tra, theo dõi, giám sát việc sử dụng Khoản Vay và trả nợ của Khách Hàng nếu pháp luật có yêu cầu và/hoặc TPBank thấy cần thiết.
- 7.3** Chuyển nhượng khoản nợ (bán nợ) và các quyền khác phát sinh từ Hợp đồng này phù hợp với quy định về hoạt động mua, bán nợ của Ngân hàng nhà nước; chuyển giao khoản nợ cho các chi nhánh, đơn vị khác thuộc TPBank quản lý hoặc ủy quyền thực hiện công việc nhằm quản lý khoản nợ, thu nợ.
- 7.4** Cấp Khoản Vay cho Khách Hàng theo đúng điều khoản, điều kiện được quy định tại Hợp đồng này.
- 7.5** Bảo đảm an toàn, bí mật thông tin của Khách Hàng trừ trường hợp cơ quan nhà nước có thẩm quyền yêu cầu hoặc được Khách Hàng chấp thuận hoặc pháp luật có quy định khác.
- 7.6** Bồi thường thiệt hại phát sinh trên thực tế cho Khách Hàng trong trường hợp vi phạm các quy định tại Hợp đồng này gây thiệt hại cho Khách Hàng.
- 7.7** Các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định tại Hợp đồng này, các văn bản, cam kết liên quan, quy định, chính sách của TPBank và của pháp luật.

ĐIỀU 8. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA KHÁCH HÀNG

- 8.1** Được TPBank cấp Khoản Vay nếu đáp ứng các điều kiện quy định tại Hợp đồng này.
- 8.2** Được đề nghị TPBank xem xét cơ cấu lại thời hạn trả nợ nếu Khách Hàng đáp ứng các điều kiện quy định.
- 8.3** Khiếu nại, khởi kiện nếu TPBank vi phạm các thỏa thuận tại Hợp đồng này.
- 8.4** Cung cấp đầy đủ, trung thực cho TPBank các thông tin, tài liệu, dữ liệu liên quan đến việc vay vốn, báo cáo việc sử dụng vốn vay và chứng minh vốn vay được sử dụng đúng mục đích ghi trong Hợp đồng này, các tài liệu chứng minh việc áp dụng biện pháp bảo đảm tiền vay (nếu có) và chịu trách nhiệm về tính chính xác của các thông tin, tài liệu, dữ liệu đã cung cấp.
- 8.5** Sử dụng Khoản Vay theo đúng mục đích và thanh toán đầy đủ và đúng hạn Dư Nợ cho TPBank hoặc Bên nhận chuyển nhượng (nếu có).
- 8.6** Thanh toán đúng, đầy đủ Dư Nợ cho TPBank theo quy định tại Hợp Đồng Cấp Tín Dụng và/hoặc các văn bản nhận nợ của Khách Hàng đối với TPBank.
- 8.7** Khách Hàng chấp nhận rằng các thông báo, ấn định lãi suất, tính toán gốc, lãi, phí, phạt, chi phí.... của TPBank đối với Khách Hàng theo quy định tại Hợp đồng này là có giá trị ràng buộc nghĩa vụ của Khách Hàng, trừ trường hợp có sự sai sót rõ ràng trong tính toán số học hoặc không phù hợp với quy định pháp luật. Theo đó, Khách Hàng đảm bảo thiết lập, duy trì việc tiếp nhận thông báo của TPBank theo đúng địa chỉ, phương tiện (email/ điện thoại...) nêu tại Hợp đồng này.
- 8.8** Bồi thường mọi thiệt hại cho TPBank nếu Khách Hàng vi phạm quy định tại Hợp đồng này.

- 8.9** Chấp thuận việc TPBank chuyển nhượng khoản nợ (bán nợ) và các quyền khác phát sinh từ Hợp đồng này phù hợp với quy định về hoạt động mua, bán nợ của Ngân hàng nhà nước; chuyển giao khoản nợ cho các chi nhánh, đơn vị khác thuộc TPBank quản lý hoặc ủy quyền thực hiện công việc nhằm quản lý khoản nợ, thu nợ. Việc chuyển giao, chuyển nhượng khoản nợ hoặc ủy quyền theo Hợp đồng bao gồm cả việc chuyển giao các quyền, nghĩa vụ của các biện pháp bảo đảm (nếu có) liên quan đến Hợp đồng này.
- 8.10** Thực hiện đúng các cam kết, bảo đảm và các nghĩa vụ khác theo quy định tại Hợp đồng này và quy định pháp luật.

ĐIỀU 9. BẢO VỆ DỮ LIỆU CÁ NHÂN

Khách Hàng xác nhận đã đọc, hiểu rõ và đồng ý tuân theo bản Điều kiện điều khoản về bảo vệ Dữ Liệu Cá Nhân (dành cho cá nhân) được công bố tại website <https://tpb.vn/> và có hiệu lực tại thời điểm Khách Hàng giao kết Hợp đồng này. Khách Hàng xác nhận đồng ý rằng TPBank có quyền sửa đổi, bổ sung các bản Điều kiện điều khoản này tại bất kỳ thời điểm nào và thực hiện công khai trên website nêu trên, theo đó các nội dung sửa đổi, bổ sung này sẽ có giá trị pháp lý ràng buộc Khách Hàng.

ĐIỀU 10. SỰ MINH BẠCH

- 10.1** Khách Hàng được sử dụng tín dụng tại TPBank luôn được TPBank đảm bảo sự minh bạch trong thông tin, chính sách và biểu phí áp dụng đối với Khách Hàng.
- 10.2** Mọi chính sách về lãi suất, phí, chi phí, phạt Khách Hàng phải thanh toán khi sử dụng tín dụng tại TPBank đều được TPBank đảm bảo nhất quán, thống nhất theo tiêu chí chung của TPBank trên cơ sở tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật.
- 10.3** Ngoài các mức phí đã quy định tại Hợp Đồng Cấp Tín Dụng và/hoặc biểu phí của TPBank, hoặc các chi phí, phạt theo thỏa thuận chính thức bằng văn bản giữa TPBank và Khách Hàng, TPBank không cho phép cán bộ TPBank yêu cầu Khách Hàng thanh toán thêm bất kỳ chi phí nào.
- 10.4** TPBank luôn tuân thủ và đề cao quy tắc đạo đức nghề nghiệp. Mọi hành vi nhận hối lộ, yêu sách của cán bộ TPBank đối với Khách Hàng đều bị nghiêm cấm tại TPBank. TPBank kiên quyết xử lý nghiêm mọi hành vi vi phạm này.
- 10.5** Khách Hàng cam kết trong suốt quá trình sử dụng tín dụng tại TPBank sẽ không đưa tiền, quà cáp, biếu xén, các lợi ích khác hay thực hiện bất kỳ hành động nào kể cả với mục đích cảm ơn hay vì bất kỳ động cơ nào khác nhằm tạo điều kiện cho cán bộ TPBank vi phạm đạo đức nghề nghiệp, ảnh hưởng đến uy tín, hình ảnh của TPBank. Đồng thời thông báo kịp thời cho TPBank qua các kênh tiếp nhận thông tin chính thức của TPBank⁵ nếu phát hiện bất kỳ hành vi vi phạm nào của cán bộ TPBank. TPBank sẽ không chịu bất kỳ trách nhiệm nào trong trường hợp Khách Hàng vi phạm cam kết này.

ĐIỀU 11. THÔNG BÁO VÀ ỦY NHIỆM THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG

- 11.1** Khách Hàng đồng ý việc thực hiện Hợp đồng này, ký kết các văn bản, chứng từ liên quan đến rút vốn, nhận nợ và các văn bản, tài liệu khác liên quan đến Hợp đồng này được thực hiện bởi một, một số hoặc tất cả trong những người thuộc Khách Hàng ký tên trên Hợp đồng này đều có giá trị pháp lý ràng buộc Khách Hàng.
- 11.2** Khách Hàng có trách nhiệm thông báo cho TPBank trong vòng 05 ngày kể từ ngày Khách Hàng và/hoặc Bên bảo đảm cho Khách Hàng phát sinh bất kỳ sự kiện nào làm

⁵ Website: <https://tpb.vn>, Call Center: 1900 58 58 85/ 1800 58 58 85/ (024) 37 683683

thay đổi thông tin, hiện trạng và/hoặc có ảnh hưởng đến đến tình hình sử dụng Khoản Vay của Khách Hàng tại TPBank.

- 11.3** Mọi thông báo, trao đổi thông tin giữa TPBank và Khách Hàng được thực hiện theo địa chỉ và các kênh thông tin (như sms, email, fax...) của các Bên được ghi nhận tại phần đầu Hợp đồng này. Mọi thông báo, đăng ký thay đổi thông tin của Khách Hàng có giá trị hiệu lực sau 05 ngày kể từ ngày TPBank nhận được thông báo từ Khách Hàng.
- 11.4** Các thông báo, cung cấp thông tin giữa các bên liên quan đến việc thực hiện Hợp đồng này được gửi, nhận bằng một trong các phương thức gửi trực tiếp, đường bưu điện và/hoặc bằng phương tiện điện tử như fax, email, tin nhắn đến địa chỉ của mỗi Bên tại phần đầu Hợp đồng này hoặc địa chỉ theo thông báo thay đổi của mỗi bên từng thời kỳ. Việc thông báo, trao đổi thông tin liên quan đến Hợp đồng này do một Bên lập và gửi tới Bên kia được coi là đã được nhận nếu thuộc một trong các trường hợp sau:
- 11.4.1 Văn bản giấy được gửi trực tiếp tại địa chỉ được quy định tại Hợp đồng này.
- 11.4.2 Hai Ngày Làm Việc liền ngay sau ngày văn bản giấy được gửi bằng thư bảo đảm hoặc bốn Ngày Làm Việc liền sau ngày văn bản giấy gửi đường bưu điện thông thường tới địa chỉ được quy định tại Hợp đồng này.
- 11.4.3 Vào Ngày Làm Việc liền ngay sau ngày văn bản được gửi bằng fax tới số fax được thỏa thuận tại Hợp đồng này và máy fax đã thông báo gửi thành công.
- 11.4.4 Vào ngày liền sau ngày email, tin nhắn của mỗi Bên gửi thành công tới địa chỉ email, số điện thoại của Bên kia.

ĐIỀU 12. HIỆU LỰC VÀ THỜI HẠN CỦA HỢP ĐỒNG

- 12.1** Các Bên thống nhất Hợp đồng này có thể được ký bằng chữ ký tươi hoặc ký bằng chữ ký số, theo đó Hợp đồng được ký bằng chữ ký số có giá trị pháp lý tương đương với Hợp đồng được ký bằng chữ ký tươi. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký cho đến ngày Khách Hàng hoàn thành toàn bộ nghĩa vụ thanh toán nợ, lãi, phí, chi phí, phạt (nếu có) cho TPBank.
- 12.2** Các Bên cam kết thực hiện đúng đầy đủ các thỏa thuận trong Hợp đồng này. Trong quá trình thực hiện, nếu một trong hai Bên hoặc cả hai Bên cần thay đổi các điều khoản đã cam kết, hai Bên sẽ bàn bạc, thỏa thuận ký bổ sung, sửa đổi. Mọi sửa đổi, bổ sung Hợp đồng phải được lập thành văn bản và có sự chấp thuận của cả hai Bên.
- 12.3** Trong trường hợp một điều khoản nào đó của Hợp đồng này bị vô hiệu theo phán quyết của cơ quan có thẩm quyền hoặc do thay đổi pháp luật thì các điều khoản còn lại vẫn giữ nguyên hiệu lực với các Bên. Các Bên sẽ bàn bạc, thỏa thuận để sửa đổi, bổ sung lại điều khoản đó cho phù hợp dựa trên các điều khoản còn lại của Hợp đồng hoặc theo qui định pháp luật. Đối với những vấn đề phát sinh mà Hợp đồng này không qui định thì sẽ áp dụng qui định pháp luật hiện hành của Việt Nam để giải quyết.
- 12.4** Các Bên cam kết thực hiện mọi quyền và nghĩa vụ của mình theo thỏa thuận tại Hợp đồng này. Trường hợp quyền, nghĩa vụ của các Bên bị cản trở và/hoặc không thực hiện được, mọi tranh chấp của các Bên sẽ được đưa ra Tòa án nhân dân có thẩm quyền để giải quyết. Quyết định của Tòa án là phán quyết duy nhất và có giá trị bắt buộc với các bên. Bên thua kiện phải chịu toàn bộ án phí, lệ phí, các chi phí phát sinh liên quan đến việc giải quyết tranh chấp. Khách Hàng đồng ý và chấp thuận rằng, trong trường hợp cần thiết, TPBank toàn quyền quyết định, lựa chọn, yêu cầu Tòa án nhân dân có thẩm quyền xem xét áp dụng thủ tục rút gọn để giải quyết tranh chấp của các Bên mà không gặp phải bất kỳ sự phản đối hay cản trở nào từ Khách Hàng.

ĐẠI DIỆN TPBANK

ĐẠI DIỆN KHÁCH HÀNG